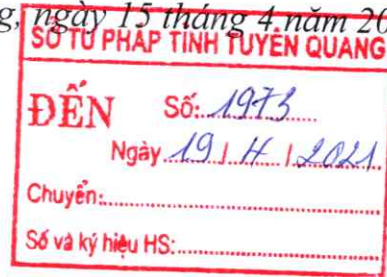


Số: 2071 /CAT-ANCTNB

V/v đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 4 năm 2021



Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021, Công an tỉnh xây dựng dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (thay thế Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Tuyên Quang).

Công an tỉnh gửi hồ sơ dự thảo Quyết định nêu trên (gồm: (1) Dự thảo Tờ trình Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (2) Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (3) Dự thảo Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Biểu tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia; (4) Văn bản số 248/BBTCTTĐT-STTTT ngày 13/4/2021 Của Sở Thông tin và Truyền thông về việc tổng hợp các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân từ hệ thống tiếp nhận thông tin của Công TTĐT tỉnh đối với dự thảo văn bản QPPL; (5) bản sao ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức) để Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan./. *bc*

Nơi nhận:

- Như trên (để tham gia ý kiến);
- Đ/c Giám đốc (để báo cáo);
- Các đ/c Phó Giám đốc;
- Phòng Tham mưu (để phối hợp);
- Lưu: VT, ANCTNB (Đ1. Th).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Phúc Thịnh
Đại tá Hà Phúc Thịnh

Số: /TTr-CAT-ANCTNB Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Công an tỉnh Tuyên Quang kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, ngày 15/11/2018, Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2020, bãi bỏ Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2000. Điểm c khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2018 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau: “Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức, địa phương”.

Qua rà soát Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND nhận thấy, căn cứ pháp lý chính để ban hành văn bản là Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh đã hết hiệu lực thi hành; nội dung của Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND có nhiều nội dung không còn phù hợp với Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020) quy định:

“1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền...”.

Thực hiện Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021, trong đó giao Công an tỉnh chủ trì soạn thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Từ các vấn đề nêu trên, việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là rất cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

II. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN

Các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ để soạn thảo, trình ban hành văn bản gồm:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

- Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018.

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước

- Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an Ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

- Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021.

- Một số văn bản, tài liệu khác có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

- Ngày 26/02/2021, Công an tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan soạn thảo dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, thay thế Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

- Công an tỉnh đã ban hành Văn bản số 1445/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 về việc đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải dự thảo Tờ trình, Quyết định và Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang để lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương và quần chúng nhân dân; Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết

định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Kết quả, có 24/40 cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến đã có văn bản tham gia ý kiến¹; trong đó có 18/40 cơ quan, đơn vị có văn bản tham gia ý kiến nhất trí hoàn toàn với dự thảo văn bản²; 17/40 cơ quan, đơn vị không gửi văn bản tham gia ý kiến³.

- Ngày 15/4/2021, Sở Thông tin và Truyền thông có Văn bản số /STTTT-CTTĐT về việc tổng hợp các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân từ hệ thống tiếp nhận thông tin của Công Thông tin điện tử tỉnh đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Kết quả từ ngày 20/3/2021 đến hết ngày 15/4/2021, các cơ quan, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang không có ý kiến tham gia góp ý đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã nêu trên.

- Ngày .../.../2021, Sở Tư pháp ban hành Quyết định số .../QĐ-STP về việc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Ngày .../.../2021, Hội đồng tư vấn thẩm định đã tổ chức họp thẩm định dự thảo văn bản và nhất trí với nội dung và việc trình dự thảo Quyết định.

Trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý, Công an tỉnh đã hoàn chỉnh dự thảo Quyết định và Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Bố cục, nội dung dự thảo văn bản gồm hai phần:

1. Phần 1: Dự thảo Quyết định, gồm 03 điều, cụ thể:

- Điều 1: Quy định ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

¹ Sở Tư pháp; Sở Ngoại vụ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND thành phố Tuyên Quang; UBND huyện Chiêm Hóa; UBND huyện Sơn Dương; Trung tâm xúc tiến đầu tư; Ban Quản lý các khu công nghiệp; Ban Quản lý DAĐTĐ các công trình giao thông; Ban Quản lý DAĐTĐ các công trình NN&PTNT; Ban Quản lý DAĐTĐ các công trình dân dụng và công nghiệp; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Xây dựng; Ban Dân tộc tỉnh; Sở Giao thông Vận tải; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Công thương; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Tuyên Quang.

² UBND huyện Yên Sơn; UBND huyện Sơn Dương; Trung tâm xúc tiến đầu tư; Ban Quản lý các khu công nghiệp; Ban Quản lý DAĐTĐ các công trình giao thông; Ban Quản lý DAĐTĐ các công trình NN&PTNT; Ban Quản lý DAĐTĐ các công trình dân dụng và công nghiệp; Ban Dân tộc tỉnh; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Xây dựng; Sở Giao thông Vận tải; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Công thương; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Tuyên Quang.

³ Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở y tế; Thanh tra tỉnh; Liên minh các hợp tác xã; Ban Di dân tái định cư; Ban Quản lý các khu du lịch; Ban Quản lý vùng căn cứ cách mạng; Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài; Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật – Công nghệ; Trường Đại học Tân Trào; UBND huyện Hàm Yên; UBND huyện Na Hang; UBND huyện Lâm Bình.

- Điều 2: Quy định điều khoản thi hành; thay thế Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

- Điều 3: Quy định về trách nhiệm thi hành Quyết định.

2. Phần 2: Dự thảo Quy chế kèm theo dự thảo Quyết định, gồm 03 Chương, 18 điều.

a) Chương I: Quy định về những quy định chung, gồm 02 điều (từ Điều 1 đến Điều 2).

b) Chương II: Quy định về những quy định cụ thể, gồm 14 điều (từ Điều 3 đến Điều 16).

c) Chương III: Quy định về tổ chức thực hiện, gồm 02 điều (từ Điều 17 đến Điều 18).

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: Không.

Vậy, Công an tỉnh kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

(1) *Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

(2) *Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày ... của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

(3) *Bản giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định;*

(4) *Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;*

(5) *Bản phô tô các văn bản tham gia ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân./.*

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để trình);
- Đ/c Giám đốc (để báo cáo);
- Các đ/c Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, ANCTNB (Đ1.Th.08).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đại tá Hà Phúc Thịnh

Số: /2021/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh Tuyên Quang tại Tờ trình số /TTr-CAT-ANCTNB ngày /04/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2021 và thay thế Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công an;
- Cục KTrVBQPPL-BTP;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự KT, đăng tải CSDL);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Phòng TH-CB (đăng tải);
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn

QUY CHẾ

Bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

DỰ THẢO

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước; điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; các biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước; sao, chụp, thống kê, lưu giữ, bảo quản, vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ; bảo vệ bí mật nhà nước trong sử dụng máy vi tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước; cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước; tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ bí mật nhà nước; xác minh, điều tra, xử lý thông tin, vụ việc liên quan đến vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; kiện toàn Ban Chỉ đạo và phân công cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước; chế độ thông tin, báo cáo về bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan trong việc bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Những nội dung quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Quy chế này áp dụng đối với tất cả các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Quy chế này;

b) Quy chế này không áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức thuộc Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức trực thuộc Trung ương có trụ sở hoạt động địa phương.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nghiên cứu các Quyết định ban hành

danh mục bí mật nhà nước thuộc các lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ ban hành đề xuất độ mật đúng quy định.

2. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước, độ mật, phạm vi lưu hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. Trường hợp thông tin trong cùng một tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc danh mục bí mật nhà nước có độ mật khác nhau thì xác định theo độ mật cao nhất.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho cấp phó xác định bí mật nhà nước, độ mật, phạm vi lưu hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi đồng thời ủy quyền ký văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước.

3. Người soạn thảo, tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước phải có đề xuất tại Tờ trình, Phiếu trình duyệt, ký văn bản hoặc văn bản xác định độ mật của vật, lời nói, địa điểm, hoạt động chứa bí mật nhà nước để người đứng đầu hoặc cấp phó được ủy quyền xác định bí mật nhà nước, độ mật, nơi nhận, số lượng bản phát hành, được phép hay không được phép sao, chụp.

a) Đối với văn bản điện tử, người soạn thảo có trách nhiệm tạo ra dấu chỉ độ mật trên văn bản để người có thẩm quyền xác định; sau khi in ra phải được đóng dấu chỉ độ mật theo quy định;

b) Trường hợp văn bản có tính chất lặp đi, lặp lại có cùng độ mật thì đề xuất, xác định độ mật một lần cho loại văn bản đó;

c) Tài liệu bí mật nhà nước phải thể hiện được các thông tin: Nơi nhận, số lượng bản phát hành, tên người soạn thảo, được phép hoặc không được phép sao, chụp ở phần nơi nhận của tài liệu;

d) Dự thảo văn bản có nội dung bí mật nhà nước phải được đề xuất, xác định, bảo quản, sử dụng như văn bản chính thức; được thu hồi, tiêu hủy hoặc lưu giữ theo đúng quy định.

4. Trường hợp khi tiếp nhận thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước chưa được xác định bí mật nhà nước: Người có thẩm quyền và người được giao xử lý thông tin, tài liệu phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 4. Điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức (được người đứng đầu ủy quyền bằng văn bản) xác định bí mật nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chỉnh tăng hoặc giảm độ mật theo danh mục bí mật nhà nước. Sau khi điều chỉnh độ mật phải được đóng dấu, có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc điều chỉnh độ mật của bí mật nhà nước. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày điều chỉnh độ mật, cơ quan, tổ chức đã điều

chính độ mật phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết theo quy định.

2. Bí mật nhà nước được giải mật toàn bộ hoặc một phần

a) Trường hợp hết thời hạn bảo vệ hoặc gia hạn bảo vệ thì đương nhiên giải mật, không thực hiện quy trình giải mật, không phải đóng dấu giải mật. Trường hợp không còn thuộc danh mục bí mật nhà nước thì phải đóng dấu giải mật và thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Trường hợp giải mật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; phát triển kinh tế - xã hội; hội nhập, hợp tác quốc tế thì phải tiến hành giải mật theo quy định tại khoản 4, Điều 22, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

3. Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện như sau:

a) Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; người đứng đầu các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp nhà nước.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho cấp phó (được người đứng đầu cơ quan, tổ chức ủy quyền bằng văn bản) cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

b) Trường hợp nếu không tiêu hủy ngay có thể gây hại cho lợi ích quốc gia dân tộc thì người đang quản lý, sử dụng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quyền quyết định tiêu hủy và phải báo cáo ngay bằng văn bản cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức biết;

c) Quy trình tiêu hủy khi không cần thiết phải lưu giữ và không gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc được thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 23, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

Điều 5. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

1. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tuyệt mật gồm:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền bằng văn bản).

2. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:

a) Người được quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; người đứng đầu các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch Hội

đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp nhà nước;

c) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; cấp phó của người đứng đầu các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên, Phó Chủ tịch công ty, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc doanh nghiệp nhà nước (được người đứng đầu ủy quyền bằng văn bản).

3. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Mật gồm:

a) Người được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Người đứng đầu đơn vị cấp phòng thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; trưởng phòng của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

4. Quy trình sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước: Thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 6. Thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

1. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được lưu giữ theo từng loại hồ sơ phù hợp và có bảng thống kê chi tiết kèm theo.

2. Hằng năm, các cơ quan, tổ chức thống kê bí mật nhà nước đã tiếp nhận, ban hành theo trình tự thời gian, độ mật và theo mẫu số 18 Thông tư 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Thời gian thống kê từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm thống kê.

3. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải được lưu giữ, bảo quản ở nơi an toàn và có phương án bảo vệ. Riêng đối với phòng lưu trữ hồ sơ, tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải có khóa an toàn và được trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ, đột nhập, lấy cắp.

Điều 7. Vận chuyển, giao, nhận, thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

1. Vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trong các cơ quan, tổ chức do người làm công tác giao liên, văn thư (hoặc cán bộ được giao nhiệm vụ văn thư) các cơ quan, tổ chức thực hiện. Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước chỉ vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi được người đứng đầu (hoặc cấp phó được ủy quyền) cơ quan, tổ chức đó chỉ đạo.

2. Quy trình giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thực hiện theo Điều 4, Nghị định 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Mọi trường hợp giao, nhận phải được thể hiện đầy đủ thông tin trong “Sổ đăng ký bí mật nhà nước đi”, “Sổ đăng ký bí mật nhà nước đến” và “Sổ chuyên giao bí mật nhà nước”; phải ký giao nhận giữa hai bên; trường hợp tài liệu, vật

chứa bí mật nhà nước được đăng ký bằng cơ sở dữ liệu quản lý trên máy tính, thì khi chuyển giao phải in ra giấy để ký nhận vào Sổ chuyển giao bí mật nhà nước.

4. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi dự thảo lấy ý kiến góp ý, khi sử dụng tại các hội nghị, hội thảo, cuộc họp phải được thu hồi theo đúng quy định. Việc thu hồi do văn thư (hoặc người được giao nhiệm vụ soạn thảo, phát hành) thực hiện.

Điều 8. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ

1. Việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ để phục vụ công tác trong nước do người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước hoặc cấp phó được ủy quyền cho phép. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước có trách nhiệm ủy quyền bằng văn bản cho cấp phó thực hiện theo thẩm quyền.

2. Thẩm quyền cho phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước để phục vụ công tác ở nước ngoài do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được ủy quyền) cho phép và phải báo cáo với Trưởng đoàn công tác.

3. Thủ tục, trình tự việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ được thực hiện theo Điều 5, Nghị định 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 9. Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước; cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Thẩm quyền quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật, Mật;

b) Người đứng đầu đơn vị cấp phòng thuộc cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng phòng Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Mật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tối mật, Mật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Thủ tục, trình tự cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước thực hiện theo Điều 15, Điều 16 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

Điều 10. Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước

a) Trường hợp không có yếu tố nước ngoài, người có thẩm quyền quyết định được quy định tại khoản 1, Điều 9 của Quy chế này;

b) Trường hợp có yếu tố nước ngoài, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bằng văn bản.

2. Cơ quan, tổ chức chủ trì tham mưu tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp phải có Tờ trình, báo cáo hoặc kế hoạch trình người có thẩm quyền quyết định tổ chức. Việc tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp phải tuân thủ các quy định sau:

a) Tổ chức tại phòng họp kín trong trụ sở làm việc (trường hợp tổ chức ngoài trụ sở phải có văn bản đề nghị Công an tỉnh bố trí lực lượng bảo vệ, phải được kiểm tra an ninh, an toàn người tham dự, phòng họp và trang thiết bị sử dụng); thời gian tổ chức từ hai ngày trở lên phải niêm phong phòng họp sau mỗi ngày tổ chức; ban hành nội quy, quy định; nếu cần thiết phải bố trí máy phát sóng trong suốt thời gian tổ chức; sử dụng micro có dây và các phương tiện thiết bị đã được Công an tỉnh kiểm tra an ninh, an toàn. Trường hợp tổ chức bằng hình thức truyền hình trực tuyến phải chịu trách nhiệm bảo vệ đường truyền theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Kiểm soát chặt chẽ thành phần tham dự hội nghị, hội thảo, cuộc họp; người tham dự không được mang các thiết bị có tính năng thu, phát tín hiệu, ghi âm, ghi hình vào trong các hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước. Trường hợp cần thiết ghi âm, ghi hình để tuyên truyền, lưu trữ tư liệu phải có sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, phải giới hạn thời gian ghi âm, ghi hình; thông tin tuyên truyền, tư liệu lưu giữ phải được kiểm duyệt, bảo vệ chặt chẽ theo đúng quy định.

Điều 11. Bảo vệ bí mật nhà nước trong sử dụng máy vi tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước

1. Tiến hành kiểm tra an ninh thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, bao gồm thiết bị, phần mềm mới dùng để soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước; các thiết bị, phần mềm được nâng cấp hoặc sửa đổi, bổ sung trước khi đưa vào sử dụng tại các bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật, nơi chứa đựng bí mật nhà nước thuộc các cơ quan, tổ chức. Các thiết bị, phần mềm sử dụng cho các bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật, nơi chứa đựng bí mật nhà nước hoặc do cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ, cho, tặng phải được Công an tỉnh kiểm tra trước khi sử dụng.

2. Sửa chữa máy vi tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ thông tin dùng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước nếu bị hư hỏng phải do cán bộ công nghệ thông tin cơ quan, tổ chức thực hiện. Nếu thuê dịch vụ bên ngoài, phải giám sát chặt chẽ. Máy vi tính lưu giữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước mang ra ngoài sửa chữa, phải tháo rời ổ cứng niêm phong, quản lý tại cơ quan, tổ chức. Sửa chữa xong, phải kiểm tra trước khi sử dụng. Đối với các thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ thông tin dùng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước bị hỏng, không có khả năng sửa chữa,

phục hồi, không hoạt động được do thiếu đồng bộ, lạc hậu mà không có nhu cầu sử dụng lại phải được bảo quản, xử lý hoặc tiêu hủy theo đúng quy trình, quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Không sử dụng thiết bị thu, phát sóng không dây trong các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, hệ thống mạng thông tin quan trọng quốc gia và tại bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật.

Điều 12. Các biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước

Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm làm đầy đủ các biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Biểu mẫu được quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 13. Kiện toàn Ban Chỉ đạo và phân công cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước

1. Kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước của tỉnh, trong đó đồng chí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo; Phó trưởng Ban chỉ đạo gồm 02 đồng chí là đại diện lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và đại diện lãnh đạo Công an tỉnh; thành viên là các sở, ngành, đơn vị liên quan. Thường trực Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước là Công an tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phân công công chức chuyên trách bảo vệ bí mật nhà nước tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các cơ quan, tổ chức phân công công chức kiêm nhiệm công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại Văn phòng hoặc Phòng Hành chính, Tổng hợp.

4. Việc phân công phải được thể hiện bằng văn bản; công chức thực hiện kiêm nhiệm được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ bí mật nhà nước

Thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất đối với từng vụ, việc hoặc đối với từng cá nhân, từng bộ phận công tác, từng cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

1. Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức trực thuộc tỉnh; việc thanh tra, kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức và cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước xét thấy cần thiết phải tiến hành thanh tra, kiểm tra.

2. Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh thực hiện việc kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước định kỳ hoặc đột xuất đối với từng đơn vị trong phạm vi quản lý của mình. Sau mỗi lần kiểm tra phải

báo cáo cơ quan chủ quản cấp trên bằng văn bản, đồng gửi cơ quan Công an cùng cấp để theo dõi.

3. Các cơ quan, tổ chức Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh phải chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng cơ quan chủ quản cấp trên; đồng thời tạo điều kiện để Công an tỉnh thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định.

4. Thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước phải đánh giá đúng những ưu điểm, khuyết điểm; phát hiện những thiếu sót, sơ hở và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

5. Khi có khiếu nại, tố cáo về bảo vệ bí mật nhà nước, Công an tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, các nhân có liên quan để giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

Điều 15. Xác minh, điều tra, xử lý các thông tin, vụ, việc liên quan đến vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước

1. Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành xác minh, điều tra làm rõ các thông tin, vụ, việc liên quan đến vi phạm pháp luật về bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phải có biện pháp xử lý, kịp thời thông báo cho cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước và Công an tỉnh biết để có biện pháp khắc phục, xác minh, điều tra làm rõ.

Điều 16. Chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong phạm vi quản lý, gửi Công an tỉnh để tổng hợp gửi Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo thời hạn như sau:

- a) Báo cáo tổng kết năm năm một lần; báo cáo sơ kết một năm một lần;
- b) Báo cáo đột xuất được thực hiện ngay sau khi phát hiện vụ lộ, mất bí mật nhà nước hoặc theo đề nghị của Bộ Công an, Ủy ban nhân dân tỉnh và Công an tỉnh;
- c) Thời hạn chốt số liệu trong chế độ báo cáo hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;
- d) Thời hạn gửi báo cáo hàng năm: Thời hạn cơ quan, tổ chức gửi báo cáo định kỳ hằng năm cho Công an tỉnh chậm nhất vào ngày 16 tháng 12 của năm báo cáo.

2. Nội dung báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước

- a) Phân tích, đánh giá tình hình liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước;
- b) Kết quả thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước; ưu điểm, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, thực hiện;

c) Tình hình, số liệu các vụ lộ, mất bí mật nhà nước; nguyên nhân và việc xử lý, khắc phục hậu quả;

d) Dự báo tình hình; dự kiến công tác trọng tâm bảo vệ bí mật nhà nước và đề xuất, kiến nghị.

3. Công an tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng kết 05 năm một lần, sơ kết 01 năm một lần về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan

1.3. Công an tỉnh

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ bí mật nhà nước;

b) Phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, tổng kết về công tác bảo vệ bí mật nhà nước; đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong bảo vệ bí mật nhà nước;

c) Phòng, chống, xử lý hoặc đề xuất xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Phối hợp với Công an tỉnh trong công tác tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh;

b) Tiến hành tự kiểm tra về công tác bảo vệ bí mật nhà nước;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, tổng kết về công tác bảo vệ bí mật nhà nước;

d) Phân công công chức chuyên trách về công tác bảo vệ bí mật nhà nước;

đ) Tiếp nhận, quản lý, phát hành, lưu giữ, thống kê tài liệu, vật mang bí mật nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước đúng quy định.

3. Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Xây dựng Nội quy bảo vệ bí mật nhà nước trong phạm vi đơn vị quản lý; phân công cán bộ kiêm nhiệm thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước;

b) Chấp hành, thực hiện nghiêm túc các quy định, quy trình về công tác bảo vệ bí mật nhà nước;

c) Lưu giữ, bảo quản, thống kê tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước theo đúng quy định;

d) Tiến hành tự kiểm tra về bảo vệ bí mật nhà nước trong phạm vi quản lý; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết về bí mật nhà nước.

4. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hàng năm phục vụ nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Sở Nội vụ

Phối hợp Công an tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các hình thức khen thưởng về bảo vệ bí mật nhà nước; phối hợp tham mưu xử lý cán bộ, công chức, viên chức vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều 26 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

Điều 18. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Nếu vi phạm Quy chế này và các quy định khác của pháp luật về công tác bảo vệ bí mật nhà nước thì tùy theo tính chất, mức độ sai phạm, hậu quả tác hại gây ra sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA
Đối với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
(kèm theo Văn bản số ~~2071~~/CAT-ANCTNB ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Công an tỉnh)

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
I	Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ		
01	Sở Tư pháp (Văn bản số 264/STP- XDKTTHPL&PBGDPL ngày 01/4/2021)	1. Đề nghị bổ sung tên cơ quan ban hành, quốc hiệu và tiêu ngữ tại phần mở đầu; chữ ký tại phần cuối của dự thảo Quy chế ban hành kèm theo quyết định.	Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa
		2. Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) “1. Quy chế này quy định về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước; sao, chụp, thống kê, lưu giữ, bảo quản, vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ; bảo vệ bí mật nhà nước trong sử dụng máy vi tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước; cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước; tổ chức hội nghị, hội thảo,	Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung như sau “1. Quy chế này quy định về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước; điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; các biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước; sao, chụp, thống kê, lưu giữ, bảo quản, vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ; bảo vệ bí mật nhà nước trong sử dụng máy vi tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ tài liệu, thông tin

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p><i>cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ bí mật nhà nước; xác minh, điều tra, xử lý thông tin, vụ việc liên quan đến vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo và phân công cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước; chế độ thông tin, báo cáo về bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân liên quan trong việc bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.</i></p> <p><i>2. Những nội dung quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành”.</i></p> <p>Tuy nhiên, qua nghiên cứu phạm vi điều chỉnh và nội dung dự thảo quy chế nhận thấy, ngoài các vấn đề được liệt kê tại khoản 1, Điều 1, dự thảo Quy chế còn quy định nội dung: (1) Xác định thời hạn, gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước (Điều 5); (2) Điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước (Điều 6); (3) Các biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước (Điều 14). Vì vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung cho thống nhất.</p>	<p>bí mật nhà nước; cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước; tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ bí mật nhà nước; xác minh, điều tra, xử lý thông tin, vụ việc liên quan đến vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo và phân công cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước; chế độ thông tin, báo cáo về bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan trong việc bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.</p> <p>2. Những nội dung quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành”.</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p>3. Điều 3 (Những hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước), điều này chỉ quy định dẫn chiếu thực hiện tới Điều 5 Luật thực hiện bảo vệ bí mật nhà nước 2018, đề nghị nghiên cứu bỏ điều này, vì khoản 2, Điều 1 dự thảo Quy chế đã có quy định “<i>những nội dung quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành</i>”.</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và bỏ điều này vì đã được quy định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước tại Điều 5 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.</p>
		<p>4. Điều 4 (Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước)</p> <p>- Khoản 2 quy định: “<i>2. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm nghiên cứu, xác định độ mật của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của cơ quan, đơn vị mình tạo ra hoặc tiếp nhận từ các cá nhân, tổ chức khác nhưng chưa được xác định bí mật nhà nước để quản lý, bảo vệ theo quy định.</i></p> <p><i>Người đứng đầu có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện khi đồng thời ủy quyền ký văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước</i>”.</p> <p>Tuy nhiên, khoản 2, Điều 10 Luật bảo vệ bí mật nhà nước quy định: “<i>2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm</i></p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:</p> <p>Điều 3. Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước</p> <p>1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nghiên cứu các Quyết định ban hành danh mục bí mật nhà nước thuộc các lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ ban hành để đề xuất độ mật đúng quy định.</p> <p>2. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước, độ mật, phạm vi lưu hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. Trường hợp thông tin</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p><i>xác định bí mật nhà nước độ mật, phạm vi lưu hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. Trường hợp sử dụng bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác thì phải xác định độ mật tương ứng. Trường hợp thông tin trong cùng một tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc danh mục bí mật nhà nước có độ mật khác nhau thì xác định theo độ mật cao nhất”.</i></p> <p>Như vậy, ngoài trách nhiệm xác định độ mật của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thì người đứng đầu các cơ quan, đơn vị địa phương còn có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước, phạm vi lưu hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, đề nghị nghiên cứu, bổ sung để đảm bảo chính xác.</p> <p>Khổ thứ hai quy định: “<i>Người đứng đầu có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện khi đồng thời ủy quyền ký văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước</i>” đề nghị quy định rõ người đứng đầu có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện những nội dung gì (xác định xác định bí mật nhà nước, phạm vi lưu hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp...) để đảm bảo cụ thể, rõ ràng.</p> <p>- Khoản 3, đề nghị nghiên cứu bổ sung</p>	<p>trong cùng một tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc danh mục bí mật nhà nước có độ mật khác nhau thì xác định theo độ mật cao nhất.</p> <p>Người đứng đầu <i>cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho cấp phó xác định bí mật nhà nước, độ mật, phạm vi lưu hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước</i> khi đồng thời ủy quyền ký văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước.</p> <p>....</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p>quy định “<i>Trường hợp thông tin trong cùng một tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc danh mục bí mật nhà nước có độ mật khác nhau thì xác định theo độ mật cao nhất</i>” để phù hợp với khoản 2, Điều 10 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.</p> <p>5. Điều 5 (Xác định thời hạn, gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước)</p> <p>Khoản 2 quy định “<i>2. Trường hợp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước được gia hạn thời hạn bảo vệ thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tạo ra bí mật nhà nước (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng và Trưởng phòng các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch và Trưởng phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện) Quyết định gia hạn bằng văn bản, được đóng dấu theo Mẫu số 04 Thông tư số 24/2020/TT-BCA và thông báo cho các đơn vị, các nhân có liên quan biết theo quy định</i>” là chưa phù hợp với khoản 2 Điều 20 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018: “<i>2. Chậm nhất 60 ngày trước ngày hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước. Mỗi lần gia hạn không quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật</i></p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và bỏ Điều này để thực hiện thống nhất theo theo Điều 19, Điều 20 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và Điều 2 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p>này”, vì theo Luật bảo vệ bí mật nhà nước, người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước là người quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, không phải người đứng đầu cơ quan, đơn vị tạo ra bí mật nhà nước như dự thảo Quyết định. Hơn nữa, trong một số trường hợp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức tạo ra bí mật nhà nước không phải người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước như tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 củ Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.</p> <p>Ngoài ra, điều này chưa đề cập đến trường hợp ủy quyền của người đứng đầu cho cấp phó xác định bí mật nhà nước thì xác định thẩm quyền gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước như thế nào?</p>	
		<p>6. Điều 6 (Điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước)</p> <p>- Khoản 1 quy định “1. Người đứng đầu đơn vị tạo ra bí mật nhà nước (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng và Trưởng phòng các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch và Trưởng phòng Ủy ban nhân dân</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung như sau:</p> <p>Điều 4. Điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước</p> <p>1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức (được người đứng đầu ủy quyền bằng văn bản) xác định bí mật nhà nước có thẩm quyền</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p><i>huyện, thành phố) có thẩm quyền quyết định bằng văn bản điều chỉnh tăng hoặc giảm độ mật theo danh mục bí mật nhà nước. Sau khi điều chỉnh xong phải đóng dấu theo mẫu số 06, Thông tư số 24/2020/TT-BCA và thông báo cho các đơn vị, cá nhân có liên quan biết theo quy định” là chưa phù hợp với khoản 3 Điều 21 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018: “3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chỉnh độ mật của bí mật nhà nước”.</i></p> <p>- Điểm a, khoản 3 quy định: “3. Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện như sau: a) Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng và Trưởng phòng các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch và Trưởng phòng Ủy ban nhân dân huyện, thành phố” là chưa phù hợp với khoản 3 Điều 23 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018: “3. Thẩm quyền tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quy định như sau: a) Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Luật này có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước;</p>	<p>quyết định điều chỉnh tăng hoặc giảm độ mật theo danh mục bí mật nhà nước. Sau khi điều chỉnh độ mật phải được đóng dấu, có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc điều chỉnh độ mật của bí mật nhà nước. <i>Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày điều chỉnh độ mật, cơ quan, tổ chức đã điều chỉnh độ mật phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết theo quy định.</i></p> <p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:</p> <p>3. Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện như sau:</p> <p>a) Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; người đứng đầu các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp nhà nước.</p> <p>Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho cấp phó (được người đứng đầu cơ quan, tổ chức ủy quyền bằng văn bản)</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p>b) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định thẩm quyền tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý; c) Người đang quản lý tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quyền quyết định tiêu hủy trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và báo cáo ngay bằng văn bản về việc tiêu hủy với người đứng đầu cơ quan, tổ chức”. Như vậy, Trưởng phòng các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố không có thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.</p>	<p>cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.</p> <p>b) Trường hợp nếu không tiêu hủy ngay có thể gây hại cho lợi ích quốc gia dân tộc thì người đang quản lý, sử dụng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quyền quyết định tiêu hủy và phải báo cáo ngay bằng văn bản cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức biết;</p> <p>c) Quy trình tiêu hủy khi không cần thiết phải lưu giữ và không gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc được thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 23, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.</p>
		<p>7. Điều 7 (Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước)</p> <p>- Khoản 2, đề nghị nghiên cứu người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật, như “Người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh); Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp nhà nước” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 11 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:</p> <p>Điều 5. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước</p> <p>1. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tuyệt mật gồm:</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>b) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền bằng văn bản).</p> <p>2. Người có thẩm quyền cho phép sao,</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p>- Khoản 3, đề nghị nghiên cứu người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Mật, như “Người đứng đầu đơn vị cấp phòng thuộc Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện và tương đương” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm</p>	<p>chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:</p> <p>a) Người được quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; người đứng đầu các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp nhà nước;</p> <p>c) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; cấp phó của người đứng đầu các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên, Phó Chủ tịch công ty, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc doanh nghiệp nhà nước (được người đứng đầu ủy quyền bằng văn bản).</p> <p>3. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Mật gồm:</p> <p>a) Người được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Người đứng đầu đơn vị cấp phòng thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; trưởng phòng của Ủy ban nhân dân</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		2018.	<p>huyện, thành phố.</p> <p>4. Quy trình sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước: Thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.</p>
		<p>8. Đề nghị tiếp tục rà soát các Điều 8,9,10,11, 12, 13, 14 dự thảo Quy chế, đảm bảo phù hợp với Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; Nghị định số 26/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa</p>
		<p>9. Điều 15 (Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và phân công cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước)</p> <p>- Tên Điều quy định thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo, tuy nhiên nội dung Điều này chỉ quy định kiện toàn, không quy định nội dung thành lập, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa.</p> <p>- Khoản 1 quy định “1. <i>Kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước của tỉnh, trong đó Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo; Lãnh đạo Công an tỉnh là Phó Trưởng Ban thường trực và thành viên là các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu giúp Ủy ban</i></p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:</p> <p>Điều 13. Kiện toàn Ban Chỉ đạo và phân công cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước</p> <p>1. Kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước của tỉnh, trong đó đồng chí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo; Phó trưởng Ban chỉ đạo gồm 02 đồng chí là đại diện lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Lãnh đạo Công an tỉnh; thành viên là các sở, ngành, đơn vị liên quan. Thường trực Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước là Công an tỉnh.</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p><i>nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018”.</i></p> <p>Tuy nhiên, khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 quy định: “Điều 24. Trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức</p> <p>3. ... Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: a) Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước; b) Chủ trì xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản chuyên ngành liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với quy định của Luật này; c) Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức, địa phương; d) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực thuộc; đ) Phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước, thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Chính phủ”.</p> <p>Như vậy, khoản 3 Điều 24 Luật Bảo</p>	<p>2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phân công công chức chuyên trách bảo vệ bí mật nhà nước tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>3. Các cơ quan, tổ chức phân công công chức kiêm nhiệm công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại Văn phòng hoặc Phòng Hành chính, tổng hợp.</p> <p>4. Việc phân công phải được thể hiện bằng văn bản; công chức thực hiện kiêm nhiệm được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p>vệ bí mật nhà nước năm 2018 quy định trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định này là các hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước tại địa phương, việc khoản 1 Điều này dự thảo Quy chế quy định giao cho Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước của tỉnh thực hiện là không phù hợp, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa.</p>	
		<p>10. Điều 18 (Chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước)</p> <p>Điểm b khoản 1 quy định “1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong phạm vi quản lý gửi Công an tỉnh để tổng hợp gửi Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo thời hạn như sau:</p> <p><i>b) Báo cáo đột xuất được thực hiện ngay sau khi phát hiện vụ lộ, mất bí mật nhà nước hoặc theo đề nghị của Công an tỉnh”.</i></p> <p>Tuy nhiên, ngoài Công an tỉnh, có thể thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khác như Bộ Công an, Ủy ban nhân dân tỉnh,... đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung.</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:</p> <p>Điều 16. Chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước</p> <p>b) Báo cáo đột xuất được thực hiện ngay sau khi phát hiện vụ lộ, mất bí mật nhà nước hoặc theo đề nghị của Bộ Công an, Ủy ban nhân dân tỉnh và Công an tỉnh;</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p>11. Đề nghị tiếp tục nghiên cứu, rà soát toàn bộ nội dung dự thảo Quy chế để chỉnh sửa cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ bí mật nhà nước. Nghiên cứu, chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật soạn thảo dự thảo văn bản theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/NĐ-CP ngày 31/12/2020).</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa.</p>
02	<p>Sở Ngoại vụ (Văn bản số 177/SNgV-LS ngày 29/3/2021)</p>	<p>1. Về dự thảo Tờ trình Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sửa nội dung tại điểm b, mục 2, phần IV. Bối cảnh và nội dung dự thảo văn bản (trang 3) “Chương 2: Quy định về những quy định cụ thể, gồm 18 điều (từ điều 4 đến điều 18)” thành Chương 2: Quy định về những quy định cụ thể gồm 15 điều (từ điều 4 đến điều 18).</p> <p>- Thống nhất tên gọi “cơ quan, đơn vị, địa phương”, “cơ quan, đơn vị”, “đơn vị”, “sở, ngành, đơn vị” trong toàn văn bản.</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa.</p> <p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa.</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p>- Sửa cụm từ “Trưởng phòng Ủy ban nhân dân huyện, thành phố” thành “Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố” tại điểm b, khoản 3, Điều 7 (trang 4) và điểm b, khoản 1, Điều 11 (trang 6) theo đúng quy định tại Nghị định 108/2020/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:</p> <p>“b) Người đứng đầu đơn vị cấp phòng thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; trưởng phòng của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố”.</p>
		<p>- Sửa nội dung “người đứng đầu đơn vị tạo ra bí mật nhà nước (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh...) có thẩm quyền...” thành “Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức tạo ra bí mật nhà nước có thẩm quyền...” tại khoản 1, điều 6 (trang 3).</p> <p>Lý do: Không cần thiết liệt kê cụ thể tất cả các chức danh của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức tạo ra bí mật nhà nước. Nếu liệt kê cụ thể, đề nghị xem xét, sửa đổi bổ sung các chức danh trong mục () để đảm bảo đầy đủ, chính xác theo quy định.</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:</p> <p>Điều 4. Điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước</p> <p>1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức (được người đứng đầu ủy quyền bằng văn bản) xác định bí mật nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chỉnh tăng hoặc giảm độ mật theo danh mục bí mật nhà nước. Sau khi điều chỉnh độ mật phải được đóng dấu, có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc điều chỉnh độ mật của bí mật nhà nước. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày điều chỉnh độ mật, cơ quan, tổ chức đã điều chỉnh độ mật phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p>- Sửa cụm từ “nơi nhận tài liệu” thành “phần nơi nhận của tài liệu” tại điểm c, khoản 2, Điều 4 (trang 2) để câu rõ nghĩa hơn.</p>	<p>Có liên quan biết theo quy định.</p> <p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:</p> <p>Điều 3. Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước</p> <p>c) Tài liệu bí mật nhà nước phải thể hiện được các thông tin: Nơi nhận, số lượng bản phát hành, tên người soạn thảo, được phép hoặc không được phép sao, chụp ở <i>phần nơi nhận của tài liệu</i>;</p>
		<p>- Sửa điểm a, khoản 3, Điều 6 (trang 3) thành “Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước: Được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 23 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018”. Trong trường hợp cơ quan chủ trì, soạn thảo nêu chức danh cụ thể như trong dự thảo đề nghị xem xét chỉnh sửa người có thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đảm bảo theo đúng quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 23 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:</p> <p>Điều 4. Điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước</p> <p>a) Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; người đứng đầu các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp nhà nước.</p> <p>Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho cấp phó (được người đứng đầu cơ quan, tổ chức ủy quyền bằng văn bản) cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
			nước.
03	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn bản số 505/SNN-VP ngày 29/3/2021)	Đề nghị cơ quan chủ trì xem xét, chỉnh sửa lại nội dung tại khoản 1, Điều 1 dự thảo Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau: “Quy chế này quy định về bí mật nhà nước, hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:</p> <p>1. Quy chế này quy định về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước; điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; các biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước; sao, chụp, thống kê, lưu giữ, bảo quản, vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ; bảo vệ bí mật nhà nước trong sử dụng máy vi tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước; cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước; tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ bí mật nhà nước; xác minh, điều tra, xử lý thông tin, vụ việc liên quan đến vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo và phân công cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước; chế độ thông tin, báo cáo về bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan trong việc bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
04	UBND thành phố Tuyên Quang (Văn bản số 821/UBND-TP ngày 16/10/2019)	<p>1. Đối với dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang: Đề nghị chỉnh sửa thể thức trình bày tên cơ quan ban hành văn bản, trang văn bản và các căn cứ ban hành văn bản theo đúng quy định tại Phụ lục I, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa</p>
		<p>1. Bổ sung cụm từ “địa điểm” vào khoản 3, Điều 4: “Người soạn thảo tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước phải có đề xuất tại Tờ trình, Phiếu trình duyệt ký văn bản hoặc văn bản xác định độ Mật của vật, địa điểm, lời nói, hoạt động chứa bí mật nhà nước...được phép sao, chụp”.</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:</p> <p>Điều 3. Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước</p> <p>3. Người soạn thảo, tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước phải có đề xuất tại Tờ trình, Phiếu trình duyệt, ký văn bản hoặc văn bản xác định độ mật của vật, lời nói, địa điểm, hoạt động chứa bí mật nhà nước để người đứng đầu hoặc cấp phó được ủy quyền xác định bí mật nhà nước, độ mật, nơi nhận, số lượng bản phát hành, được phép hay không được phép sao, chụp.</p>
		<p>2. Điểm a, khoản 3, Điều 6: “Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng và Trưởng phòng các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa như sau:</p> <p>Điều 4. Điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước</p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		<p>ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch và Trưởng phòng Ủy ban nhân dân huyện, thành phố”.</p> <p>Đề nghị chỉnh sửa thành: <i>“Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố”.</i></p> <p>Lý do: Theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 23 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 thì “Trưởng phòng” không có thẩm quyền tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.</p>	<p>3. Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện như sau:</p> <p>a) Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; người đứng đầu các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp nhà nước.</p> <p>Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho cấp phó (được người đứng đầu cơ quan, tổ chức ủy quyền bằng văn bản) cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.</p>
		<p>3. Điểm b, khoản 3, Điều 6: “Trường hợp nếu không tiêu hủy ngay có thể gây hại cho lợi ích quốc gia, dân tộc thì người đang quản lý, sử dụng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quyền quyết định tiêu hủy và phải báo cáo ngay cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị biết, địa phương biết”.</p> <p>Đề nghị sửa thành: “Trường hợp nếu không tiêu hủy ngay có thể gây hại cho lợi ích quốc gia, dân tộc thì người đang quản lý, sử dụng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quyền quyết định tiêu hủy và phải báo cáo ngay cho người đứng đầu cơ</p>	<p>Đơ vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa như sau:</p> <p>d) Trường hợp nếu không tiêu hủy ngay có thể gây hại cho lợi ích quốc gia dân tộc thì người đang quản lý, sử dụng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quyền quyết định tiêu hủy và phải báo cáo ngay bằng văn bản cho người đứng đầu <i>cơ quan, tổ chức biết.</i></p>

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
		quan, đơn vị, địa phương biết”.	
05	UBND huyện Chiêm Hóa (Văn bản số 493/UBND-NC ngày 30/3/2021)	Đề nghị chỉnh sửa cách đánh số trang văn bản: “Dự thảo tờ trình Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”, sửa lại: Số trang văn bản đặt cạnh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ.	Đơn vị chủ trì soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa
06	Ban Quản lý Dự án ĐTXD các công trình NN & PTNT tỉnh (Văn bản số 301/DANN-HCTH ngày 25/3/2021)	Nhất trí với dự thảo văn bản	
07	Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh (Văn bản số 324/SGDĐT-VP ngày 29/3/2021)	Nhất trí với dự thảo văn bản	
08	Sở Xây dựng tỉnh (Văn bản số 475/SXD-VP ngày 30/3/2021)	Nhất trí với dự thảo văn bản	
09	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (Văn bản số 80/BQLDA-HCTH ngày 26/3/2021)	Nhất trí với dự thảo văn bản	
10	Ban Dân tộc (Văn bản số 95/BDT-VP)	Nhất trí với dự thảo văn bản	

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
	<i>ngày 29/3/2021)</i>		
11	Sở Giao thông Vận tải (<i>Văn bản số 338/SGTVT-VP</i> <i>Ngày 29/3/2021)</i>	Nhất trí với dự thảo văn bản	
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (<i>Văn bản số 226/SVHTTDL-TCPC</i> <i>ngày 30/3/2021)</i>	Nhất trí với dự thảo văn bản	
13	Sở Tài nguyên và Môi trường (<i>Văn bản số 371/STNMT-VP</i> <i>ngày 29/3/2021)</i>	Nhất trí với dự thảo văn bản	
14	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (<i>Văn bản số 74/BQL-NVTH</i> <i>ngày 01/4/2021)</i>	Nhất trí với dự thảo văn bản	
15	Đài phát thanh và truyền hình tỉnh (<i>Văn bản số 171/PTTH</i> ngày <i>326/3/2021)</i>	Nhất trí với dự thảo văn bản	
16	Sở Công Thương (<i>Văn bản số 261/SCT-VP</i> ngày <i>29/3/2021)</i>	Nhất trí với dự thảo văn bản	

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
17	Trung tâm xúc tiến đầu tư (<i>Văn bản số 68/TTXT-XTTH ngày 26/3/2021</i>)	Nhất trí với dự thảo văn bản	
18	UBND huyện Yên Sơn (<i>Văn bản số 567/UBND-NC ngày 29/3/2021</i>)	Nhất trí với dự thảo văn bản	
19	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông (<i>Văn bản số 176/BQLDA- HCTH ngày 28/3/2021</i>)	Nhất trí với dự thảo văn bản	
20	Ủy ban MTTQVN tỉnh Tuyên Quang (Văn bản số 982/MTTQ-BTT ngày 08/4/2021)	Nhất trí với dự thảo văn bản	
21	UBND huyện Sơn Dương (<i>Văn bản số 624/UBND-NC ngày 30/3/2021</i>)	Nhất trí với dự thảo văn bản	
22	Sở Thông tin và truyền thông (Văn bản số 225/STTTT-VP ngày 06/4/2021)	Nhất trí với dự thảo văn bản	

TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	NỘI DUNG THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU/GIẢI TRÌNH
23	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Văn bản số 464/SKH-VP ngày 03/4/2021)	Nhất trí với dự thảo văn bản	
24	Cổng Thông tin điện tử tỉnh (Văn bản số 248/BBTCTTĐT-STTTT ngày 13/4/2021)	Không nhận được ý kiến tham gia	
II	CÁC ĐƠN VỊ KHÔNG GỬI VĂN BẢN THAM GIA Ý KIẾN		
Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; Thanh tra tỉnh; Liên minh các Hợp tác xã; Ban Di dân tái định cư; Ban Quản lý các khu du lịch; Ban Quản lý vùng căn cứ cách mạng; Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài; Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật – Công nghệ; Trường Đại học Tân Trào; UBND huyện Hàm Yên; UBND huyện Na Hang; UBND huyện Lâm Bình. <i>bu</i>			

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ha Phuc Thinh
Đại tá Hà Phúc Thịnh

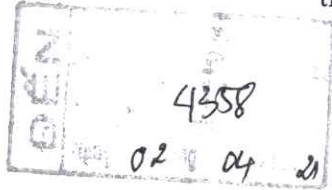
ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 821/UBND-NC

TP. Tuyên Quang, ngày 01 tháng 4 năm 2021

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế
bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang



Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/03/2021 của Công an tỉnh Tuyên Quang về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang: Đề nghị chỉnh sửa thể thức trình bày tên cơ quan ban hành văn bản, trang văn bản và các căn cứ ban hành văn bản theo đúng quy định tại Phụ lục I, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

2. Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thành phố tham gia một số ý kiến như sau:

2.1. Bổ sung cụm từ "**địa điểm**" vào khoản 3, Điều 4: "Người soạn thảo, tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước phải có đề xuất tại Tờ trình, Phiếu trình duyệt, ký văn bản hoặc văn bản xác định độ mật của vật, **địa điểm**, lời nói, hoạt động chứa bí mật nhà nước ... được phép sao, chụp".

2.2. Điều a, khoản 3, Điều 6: "**Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng và Trưởng phòng các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch và Trưởng phòng Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**".

Đề nghị chỉnh sửa thành: "**Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**".

Lý do: Theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 23 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 thì “**Trường hợp**” không có thẩm quyền tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

2.3. Điểm b, khoản 3, Điều 6: “**Trường hợp nếu không tiêu hủy ngay có thể gây hại cho lợi ích quốc gia dân tộc thì người đang quản lý, sử dụng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quyền quyết định tiêu hủy và phải có báo cáo ngay cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị biết, địa phương biết”.**

Đề nghị sửa thành: “**Trường hợp nếu không tiêu hủy ngay có thể gây hại cho lợi ích quốc gia dân tộc thì người đang quản lý, sử dụng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quyền quyết định tiêu hủy và phải có báo cáo ngay cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương biết”.**

Ủy ban nhân dân thành phố trân trọng có ý kiến./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Công an thành phố;
- CVP, PCVP HĐND và UBND thành phố;
- Chuyên viên NC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Tô Hoàng Linh

ky: Kuy 1A03

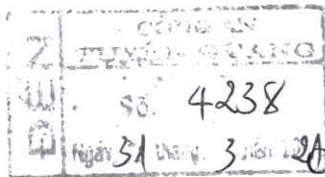
Xong
1

UBND TỈNH TUYÊN QUANG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NGOẠI VỤ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 177/SNgV-LS

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 3 năm 2021

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang



Kính gửi: Công an tỉnh

Căn cứ Công văn số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự thảo Quyết định nêu trên, Sở Ngoại vụ cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo nêu trên và có ý kiến tham gia như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sửa nội dung tại điểm b, mục 2, phần IV. Bộ cục và nội dung dự thảo Văn bản (trang 3) “*Chương II: Quy định về những quy định cụ thể, gồm 18 điều (từ Điều 4 đến Điều 18)*” thành “*Chương II: Quy định về những quy định cụ thể, gồm 15 điều (từ Điều 4 đến Điều 18)*”.

2. Về dự thảo Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo:

- Thống nhất tên gọi “cơ quan, đơn vị, địa phương”, “cơ quan, đơn vị”, “đơn vị”, “sở, ngành, đơn vị” trong toàn văn bản.

- Sửa cụm từ “*nơi nhận tài liệu*” thành “*phần nơi nhận của tài liệu*” tại điểm c, khoản 2, Điều 4 (trang 2) để câu rõ nghĩa hơn.

- Sửa nội dung “*Người đứng đầu đơn vị tạo ra bí mật nhà nước (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh...) có thẩm quyền...*” thành “*Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức tạo ra bí mật nhà nước có thẩm quyền...*” tại khoản 1, Điều 6 (trang 3). Lý do: Không cần thiết liệt kê cụ thể tất cả các chức danh của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức tạo ra bí mật nhà nước. Nếu liệt kê cụ thể, đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung các chức danh trong mục () để đảm bảo đầy đủ, chính xác theo quy định.

- Sửa điểm a, khoản 3, Điều 6 (trang 3) thành “*Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước: Được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 23, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018*”. Trong trường hợp, cơ quan chủ trì soạn thảo nêu

chức danh cụ thể như trong dự thảo, đề nghị xem xét chỉnh sửa người có thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đảm bảo theo đúng quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 23, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Sửa cụm từ “*Trưởng phòng Ủy ban nhân dân huyện, thành phố*” thành “*Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố*” tại điểm b, khoản 3, Điều 7 (trang 4) và điểm b, khoản 1, Điều 11 (trang 6) theo đúng quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

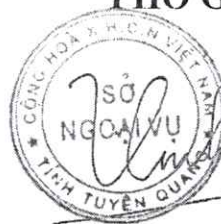
Trên đây là ý kiến tham gia vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Sở Ngoại vụ gửi Công an tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT-LS (Thanh)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Thị Minh Hạnh

Số: 264 /STP-XDKTTHPL&PBGDPL

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 4 năm 2021

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Công an tỉnh.

Ngày 26/3/2021, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

Dự thảo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định

1. Đề nghị bổ sung tên cơ quan ban hành, quốc hiệu và tiêu ngữ tại phần mở đầu; chữ ký tại phần cuối của dự thảo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định.

2. Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) quy định:

“1. Quy chế này quy định về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước; sao, chụp, thống kê, lưu giữ, bảo quản, vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ; bảo vệ bí mật nhà nước trong sử dụng máy vi tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước; cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước; tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ bí mật nhà nước; xác minh, điều tra, xử lý thông tin, vụ việc liên quan đến vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo và phân công cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước; chế độ thông tin, báo cáo về bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân liên quan trong việc bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Những nội dung quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành”.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu phạm vi điều chỉnh và nội dung dự thảo Quy chế nhận thấy, ngoài các vấn đề được liệt kê tại khoản 1 Điều 1, dự thảo Quy chế còn quy định nội dung: **(1)** Xác định thời hạn, gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước (Điều 5); **(2)** Điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước (Điều 6); **(3)** Các biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước (Điều 14). Vì vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung cho thống nhất.

2. Điều 3 (Những hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước), Điều này chỉ quy định dẫn chiếu thực hiện tới Điều 5 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, đề nghị nghiên cứu bỏ Điều này, vì khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy chế đã có quy định *“Những nội dung quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành”*.

3. Điều 4 (Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước)

- Khoản 2 quy định: *“2. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm nghiên cứu, xác định độ mật của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của cơ quan, đơn vị mình tạo ra hoặc tiếp nhận từ các cá nhân, tổ chức khác nhưng chưa được xác định bí mật nhà nước để quản lý, bảo vệ theo quy định.*

Người đứng đầu có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện khi đồng thời ủy quyền ký văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước”.

Tuy nhiên, khoản 2 Điều 10 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 quy định: *“2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước, độ mật, phạm vi lưu hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. Trường hợp sử dụng bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác thì phải xác định độ mật tương ứng. Trường hợp thông tin trong cùng một tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc danh mục bí mật nhà nước có độ mật khác nhau thì xác định theo độ mật cao nhất”*.

Như vậy, ngoài trách nhiệm **xác định độ mật** của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thì người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương còn có trách nhiệm **xác định bí mật nhà nước, phạm vi lưu hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**, đề nghị nghiên cứu, bổ sung để đảm bảo chính xác.

Khô thứ hai quy định *“Người đứng đầu có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện khi đồng thời ủy quyền ký văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước”*, đề nghị quy định rõ người đứng đầu có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện những nội dung gì (*xác định bí mật nhà nước, độ mật, phạm vi lưu hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp...*) để đảm bảo cụ thể, rõ ràng.

- Khoản 3, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định *“Trường hợp thông tin trong cùng một tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc danh mục bí mật nhà nước có độ mật khác nhau thì xác định theo độ mật cao nhất”* để đảm bảo phù hợp với khoản 2 Điều 10 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

4. Điều 5 (Xác định thời hạn, gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước)

Khoản 2 quy định *“2. Trường hợp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước được gia hạn thời hạn bảo vệ thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tạo ra bí mật nhà nước (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng và Trưởng phòng các cơ*

quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch và Trưởng phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định gia hạn bằng văn bản, được đóng dấu theo Mẫu số 04 Thông tư số 24/2020/TT-BCA và thông báo cho các đơn vị, cá nhân có liên quan biết theo quy định” là chưa phù hợp với khoản 2 Điều 20 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018: “2. **Chậm nhất 60 ngày trước ngày hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước. Mỗi lần gia hạn không quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này**”, vì theo Luật bảo vệ bí mật nhà nước, người đứng đầu cơ quan, tổ chức **xác định bí mật nhà nước** là người quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, **không phải người đứng đầu cơ quan, đơn vị tạo ra bí mật nhà nước** như dự thảo Quyết định. Hơn nữa, trong một số trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức tạo ra bí mật nhà nước không phải người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước như tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước¹.

Ngoài ra, điều này chưa đề cập đến trường hợp ủy quyền của người đứng đầu cho cấp phó xác định bí mật nhà nước thì xác định thẩm quyền gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước như thế nào?

5. Điều 6 (Điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước)

- Khoản 1 quy định “1. **Người đứng đầu đơn vị tạo ra bí mật nhà nước** (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng và Trưởng phòng các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch và Trưởng phòng Ủy ban nhân dân huyện, thành phố) có thẩm quyền quyết định bằng văn bản điều chỉnh tăng hoặc giảm độ mật theo danh mục bí mật nhà nước. Sau khi điều chỉnh xong phải đóng dấu theo mẫu số 06, Thông tư số 24/2020/TT-BCA và thông báo cho các đơn vị, cá nhân có liên quan biết theo quy định” là chưa phù hợp với khoản 3 Điều 21 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018: “3. **Người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định độ mật của bí mật nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chỉnh độ mật của bí mật nhà nước**”.

- Điều a Khoản 3 quy định: “3. **Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện như sau:** a) **Thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gồm:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng và Trưởng phòng các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch và Trưởng phòng Ủy ban nhân dân huyện, thành phố” là chưa

¹ Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP quy định: “2. **Người tiếp nhận thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức và chuyển đến đơn vị có chức năng xử lý. Người được giao xử lý phải có văn bản đề xuất người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước, nơi nhận, số lượng bản phát hành, được phép hoặc không được phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. Thông tin tiếp nhận phải được bảo vệ trong quá trình tiếp nhận và xử lý**”.

phù hợp với khoản 3 Điều 23 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018: “3. *Thẩm quyền tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quy định như sau:*

a) *Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Luật này² có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước;*

b) *Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định thẩm quyền tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý;*

c) *Người đang quản lý tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được quyền quyết định tiêu hủy trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và báo cáo ngay bằng văn bản về việc tiêu hủy với người đứng đầu cơ quan, tổ chức”.*

Như vậy, Trưởng phòng các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố **không có thẩm quyền cho phép tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.**

6. Điều 7 (Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước)

² Khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 quy định:

“1. *Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tuyệt mật bao gồm:*

a) *Người đứng đầu cơ quan của Trung ương Đảng; người đứng đầu tổ chức trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng;*

b) *Người đứng đầu cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;*

c) *Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước;*

d) *Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;*

đ) *Tổng Kiểm toán nhà nước;*

e) *Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;*

g) *Người đứng đầu cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội;*

h) *Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;*

i) *Người đứng đầu cơ quan thuộc Chính phủ;*

k) *Bí thư tỉnh ủy, thành ủy và Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

l) *Cấp trên trực tiếp của những người quy định tại các điểm a, b, c, h và i khoản này;*

m) *Người đứng đầu Văn phòng Kiểm toán nhà nước, đơn vị thuộc bộ máy điều hành của Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành, Kiểm toán nhà nước khu vực;*

n) *Người đứng đầu tổng cục, cục, vụ và tương đương trực thuộc cơ quan quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g và h khoản này, trừ người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;*

o) *Người đứng đầu cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.*

2. *Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật bao gồm:*

a) *Những người quy định tại khoản 1 Điều này;*

b) *Người đứng đầu cục, vụ và tương đương thuộc cơ quan thuộc Chính phủ;*

c) *Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h và i khoản 1 Điều này; người đứng đầu cục, vụ và tương đương thuộc tổng cục và tương đương;*

d) *Người đứng đầu sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương;*

đ) *Người đứng đầu đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, trừ người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện;*

e) *Bí thư huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy và Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;*

g) *Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp nhà nước”.*

- Khoản 2, đề nghị nghiên cứu người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật, như “*Người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh); Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp nhà nước*” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 11 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

- Khoản 3, đề nghị nghiên cứu người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Mật, như “*Người đứng đầu đơn vị cấp phòng thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện và tương đương*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

7. Đề nghị tiếp tục rà soát các Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 dự thảo Quy chế, đảm bảo phù hợp với Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; Nghị định số 26/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

8. Điều 15 (Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo và phân công cán bộ làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước)

- Tên Điều quy định thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo, tuy nhiên nội dung Điều này chỉ quy định kiện toàn, không quy định nội dung thành lập, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa.

- Khoản 1 quy định “*1. Kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước của tỉnh, trong đó Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo; Lãnh đạo Công an tỉnh là Phó Trưởng Ban thường trực và thành viên là các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018*”.

Tuy nhiên, khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 quy định: “**Điều 24. Trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức**

3. ... *Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:*

a) *Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước;*

b) *Chủ trì xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản chuyên ngành liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với quy định của Luật này;*

c) *Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức, địa phương;*

d) *Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực thuộc;*

đ) *Phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước, thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Chính phủ*”.

Như vậy, khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 quy định trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định này là các hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước tại địa phương, việc khoản 1 Điều này dự thảo Quy chế quy định giao cho Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước của tỉnh thực hiện là không phù hợp, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa.

9. Điều 18 (Chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước)

Điều b khoản 1 quy định “1. *Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong phạm vi quản lý ...*

b) *Báo cáo đột xuất được thực hiện ngay sau khi phát hiện vụ lộ, mất bí mật nhà nước hoặc theo đề nghị của Công an tỉnh*”.

Tuy nhiên, ngoài “*Công an tỉnh*”, có thể thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khác như Bộ Công an, Ủy ban nhân dân tỉnh,... đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung.

10. Đề nghị tiếp tục nghiên cứu, rà soát toàn bộ nội dung dự thảo Quy chế để chỉnh sửa cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ bí mật nhà nước. Nghiên cứu, chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật soạn thảo dự thảo văn bản theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/NĐ-CP ngày 31/12/2020*).

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Như trên; (tổng hợp)
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL. (Loan.03b)



Đặng Thị Thanh Hương

rg: ruy 11/10/21

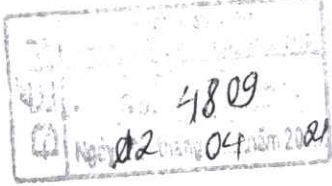
ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
TỈNH TUYỀN QUANG
BAN THƯỜNG TRỰC

Số: 982/MTTQ-BTT

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo văn bản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 4 năm 2021



Kính gửi: **Công an tỉnh Tuyên Quang.**

Căn cứ Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB, ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh nhất trí với dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang do Công an tỉnh xây dựng.

Trên đây là ý kiến tham gia của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BTT Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Lưu: VT, Ban TCVP.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tân
Lê Ngọc Tân

Ngày tháng năm 2021

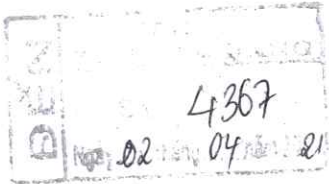
UBND TỈNH TUYÊN QUANG
BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 74 /BQL - NVTH

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 4 năm 2021

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của
UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật
nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang



Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 Công an tỉnh Tuyên Quang về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Sau khi nghiên cứu nội dung hồ sơ dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh nhất trí với nội dung hồ sơ dự thảo Quyết định nêu trên;

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh gửi Công an tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo BQL;
- Lưu VT.

Q. TRƯỞNG BAN



Trần Đức Thuận

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 226 /SVHTTDL-TCPC
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Văn bản quy phạm pháp luật

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang.

Theo đề nghị của Công an tỉnh tại Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

Sau khi nghiên cứu, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhất trí với nội dung dự thảo văn bản.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng có ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCPC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thanh Sơn

Hg: Khuy 1A05

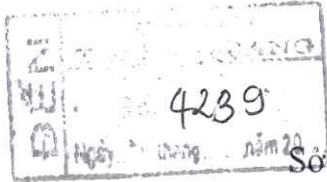
**UBND TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 381/STNMT-VP

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 3 năm 2021

V/v tham gia vào dự thảo Quyết định
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành
Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang



Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 1446 /CAT-ANCTNB ngày 20 tháng 3 năm 2021 của Công an tỉnh Tuyên Quang về việc xin ý kiến các dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu nội dung các dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang của Công an tỉnh Tuyên Quang; căn cứ các quy định của pháp luật và các văn bản có liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường nhất trí với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng có ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: Sở Tài Nguyên
và Môi trường
Email:
ttnuyenmt@tuyenqua
ng.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Tuyên
Quang
Ngày ký: 30-03-2021
14:05:44 +07:00

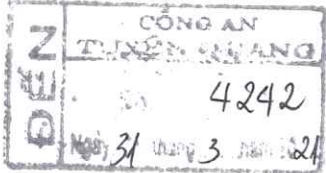
Nguyễn Sơn Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 624 /UBND-NC
V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo
Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ
bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh

Sơn Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB, ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh Tuyên Quang về việc đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Sau khi nghiên cứu dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương nhất trí các nội dung của dự thảo Quyết định.

Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương trân trọng có ý kiến./. &

Nơi nhận:

- Như trên (tổng hợp);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- CVP HĐND và UBND huyện;
- Chuyên viên NC;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Giang Tuấn Anh

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
BAN QLDA ĐTXD CÁC
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Số:176/BQLDA-HCTH

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
quyết định của UBND tỉnh ban hành
Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên
địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh Tuyên Quang về việc tham gia ý kiến vào dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Sau khi nghiên cứu dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông trân trọng có ý kiến như sau:

Nhất trí các nội dung dự thảo quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông trân trọng có ý kiến tham gia./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Ban; | (b/cáo)
- Lưu: VT, HC-TH.
(Hoài, Lê Trang).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Văn Sáng

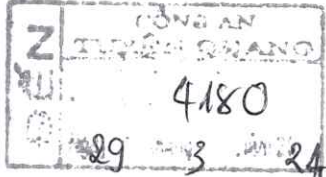
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68 /TTXT-XTTH

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 3 năm 2021



Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang

Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh nhận được Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh Tuyên Quang về việc tham gia ý kiến dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu Dự thảo: Tờ trình, Quyết định, Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh hoàn toàn nhất trí.

Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh đề nghị Công an tỉnh Tuyên Quang tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Ban GD TT;
- Lưu VT, XTTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tiến Hưng

Trung tâm Xúc tiến đầu tư
Tỉnh Tuyên Quang
26-03-2021 14:52:05 +0

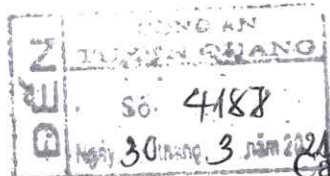
UBND TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 371 /STNMT-VP

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 3 năm 2021

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh
ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang



Kính gửi: Công an tỉnh.

Căn cứ Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã nghiên cứu và nhất trí với dự thảo Tờ trình Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Công an tỉnh xây dựng.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng có ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Phó Giám đốc phụ trách;
- Lưu: Văn thư, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Tài Nguyên
và Môi trường
Email:
tainguyenmt@tuyenqua
ng.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Tuyên
Quang
Ngày ký: 29-03-2021
14:16:07 +07:00

Nguyễn Sơn Lâm

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
BAN DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95 /BDT-VP

Về việc tham gia ý kiến vào dự thảo
Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh
ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà
nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: Công an tỉnh

Căn cứ Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu, Ban Dân tộc tỉnh nhất trí dự thảo Tờ trình, Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ban Dân tộc tỉnh gửi Công an tỉnh tổng hợp báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT. Hạnh 5b.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Hoàng Văn Hảo

Ky: VMT/PA03

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ CÔNG THƯƠNG

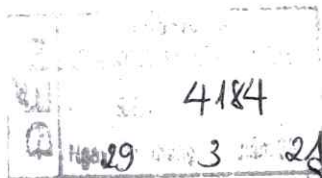
Số: 261/SCT-VP

V/v tham gia ý kiến dự thảo Quyết định
của UBND tỉnh ban hành quy chế bảo vệ
bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang



Sở Công Thương nhận được Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh Tuyên Quang về việc tham gia ý kiến vào dự thảo quyết định của UBND tỉnh ban hành quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Sau khi nghiên cứu, Sở Công Thương hoàn toàn nhất trí với bố cục và nội dung Dự thảo.

Đề nghị Công an tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, VP.(L3).

GIÁM ĐỐC

A circular official seal of the Provincial Department of Commerce, with the text 'CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM' and 'SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TUYÊN QUANG'. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink.

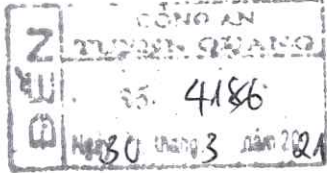
Hoàng Anh Cường

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
**ĐÀI PHÁT THANH
VÀ TRUYỀN HÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 171/PTTH
V/v tham gia góp ý vào
dự thảo văn bản

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 3 năm 2021



Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh Tuyên Quang về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Sau khi nghiên cứu, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang nhất trí với nội dung dự thảo văn bản.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, Phó Giám đốc;
- Lưu: VT-TC.

GIÁM ĐỐC



Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
29-03-2021 16:13:37 +07:00

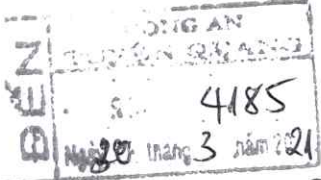
Nguyễn Ngọc Toàn

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 338 /SGTVT-VP
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết
định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban
hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 3 năm 2021



Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Công văn số 1446/CAN-ANCTNB ngày 20 tháng 3 năm 2021 của Công an tỉnh Tuyên Quang, về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

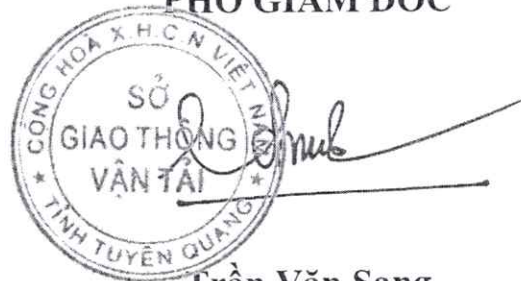
Sau khi nghiên cứu, Sở Giao thông vận tải nhất trí với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Trân trọng gửi Công an tỉnh Tuyên Quang để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Sang

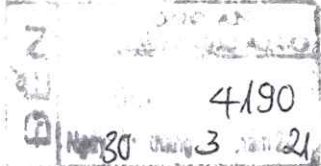
Kg: Phg PA03

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
BAN QLĐAĐTĐ CÁC CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 80 /BQLDA-HCTH
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết
định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành
Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên
địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 3 năm 2021



Kính gửi: Công an tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu dự thảo dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang của Công an tỉnh. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp nhất trí với các nội dung của bản dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, HCTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



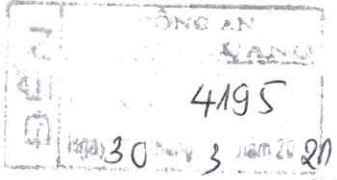
Lê Thế Đạt

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 475 /SXD-VP
V/v tham gia ý kiến vào
dự thảo văn bản

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Kính gửi: Công An tỉnh Tuyên Quang

Sở Xây dựng nhận được Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công An tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Quyết định, Sở Xây dựng nhất trí với nội dung dự Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sở Xây dựng trân trọng kính gửi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Sở Xây dựng,
Tỉnh Tuyên Quang
30-03-2021
11:15:56 +07:00

Trần Văn Luận

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 324 /SGDĐT-VP
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Quyết định của UBND tỉnh ban hành
Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh Tuyên Quang về việc đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

Sở Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của ngành, Sở Giáo dục và Đào tạo nhất trí với nội dung các dự thảo gồm:

1. Dự thảo Tờ trình Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
2. Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
3. Dự thảo Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sở Giáo dục và Đào tạo trân trọng gửi ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên (để tổng hợp);
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP (Dung).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH TUYÊN QUANG
Sở Giáo dục và Đào tạo
Tỉnh Tuyên Quang
Hoàng Thị Thu Hiền

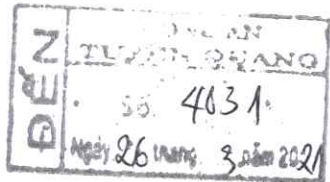
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG
BQL DỰ ÁN ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH
NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Số: 301/DANN- HCTH

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh
ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang



Kính gửi: Công an tỉnh

Thực hiện văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhất trí với dự thảo Quyết định do Công an tỉnh soạn thảo.

Trân trọng gửi Công an tỉnh tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu: VT, HC-TH(H).

GIÁM ĐỐC

Lê Hải Hùng

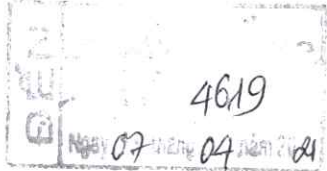
UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 225 /STTTT-VP

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 4 năm 2021

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.



Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang.

Theo đề nghị tại công văn số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20 tháng 3 năm 2021, về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh

Sau khi nghiên cứu dự thảo gồm: *Dự thảo tờ trình Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang* và *Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang nhất trí với nội dung dự thảo do Công an tỉnh soạn thảo.

Sở Thông tin và Truyền thông trân trọng kính chuyển Công an tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Sở Thông tin và Truyền thông
Tuyên Quang, ngày 06 tháng 04 năm 2021 15:34:22 +07:00
Vũ Tuấn

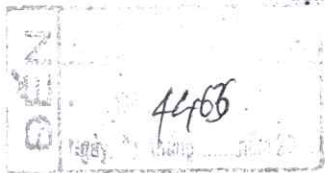
**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 567/UBND-NC

Yên Sơn, ngày 29 tháng 3 năm 2021

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Quyết định của UBND tỉnh ban hành
Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên
địa bàn tỉnh Tuyên Quang



Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh Tuyên Quang về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn nhất trí với Dự thảo Quyết định.

Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn trân trọng có ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Chánh, Phó CVP huyện;
- Lưu VT-NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐÓNG CHỮ TỊCH**



Lê Quang Toàn

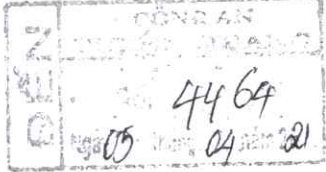
UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 464 /SKH-VP

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 4 năm 2021

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang



Kính gửi: Công an tỉnh

Căn cứ Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

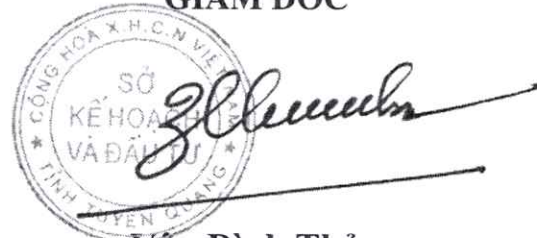
Sau khi xem xét, nghiên cứu hồ sơ dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Dự thảo Tờ trình Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Công an tỉnh chủ trì soạn thảo. Sở Kế hoạch và Đầu tư nhất trí với nội dung của các dự thảo.

Sở Kế hoạch và Đầu tư trân trọng gửi Công an tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Văn Đình Thảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số **493** UBND-NC

Chiêm Hóa, ngày **30** tháng 3 năm 2021


V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban
hành Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB, ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh Tuyên Quang, về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo: "Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang", Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa có ý kiến như sau:

Chỉnh sửa cách đánh số trang văn bản: "Dự thảo Tờ trình Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang", sửa lại: số trang văn bản đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. (theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính Phủ).

Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa trân trọng ý kiến. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- CVP, các PCVP HĐND&UBND;
- Lưu: VTNC, CA huyện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Dũng

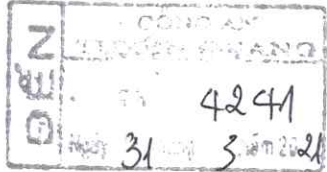
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **505** /SNN-VP

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 3 năm 2021

V/v góp ý vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang



Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Văn bản số 1446/CAT-ANCTNB ngày 20/3/2021 của Công an tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với hồ sơ dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Công an tỉnh soạn thảo.

2. Ý kiến tham gia: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh sửa lại nội dung tại khoản 1, Điều 1 dự thảo Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau: “*Quy chế này quy định về bí mật nhà nước, hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*”.

Trân trọng gửi Công an tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP (Ngọc.3b)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

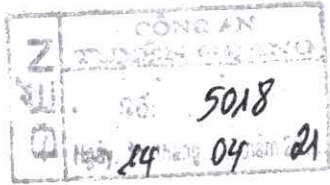


Nguyễn Công Hàm

Số 248/BBTCTTĐT-STTTT

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 04 năm 2021

"V/v tổng hợp các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân từ hệ thống tiếp nhận thông tin của Công TTĐT tỉnh đối với dự thảo văn bản QPPL"



Kính gửi: Công an tỉnh Tuyên Quang

Ban Biên tập Công thông tin điện tử tỉnh nhận được văn bản số 1445/CAT-ANCTNB ngày 20/03/2021 của Công an tỉnh Tuyên Quang về việc đề nghị đăng tải để lấy ý kiến tham gia vào dự thảo Quyết định ban hành Quy chế Bảo vệ Bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Ban Biên tập Công thông tin điện tử tỉnh đã tiến hành đăng tải công khai nội dung "(1) Dự thảo Tờ trình về Quyết định ban hành quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (2) Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang" theo như công văn đề nghị của Công an tỉnh tại địa chỉ:

(<https://tuyenquang.gov.vn/noidung/vanban/Pages/du-thao.aspx?ItemID=217>)

Trong thời gian đăng tải, Ban Biên tập Công thông tin điện tử tỉnh không nhận được ý kiến đóng góp nào của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan từ hệ thống tiếp nhận thông tin tại Công Thông tin điện tử tỉnh.

Ban Biên tập Công thông tin điện tử tỉnh kính gửi Công an tỉnh tỉnh Tuyên Quang để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CTTĐT(Hài).

TM. BAN BIÊN TẬP

TRƯỞNG BAN



Sở Thông tin và Truyền thông
13-04-2021 16:27:07 +07:00

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG
Vũ Tuấn